

ĐỊA LÍ CÁC VÙNG KINH TẾ

Bài 45

VẤN ĐỀ KHAI THÁC THỂ MẠNH Ở TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

I – MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

1. Về kiến thức

- Phân tích được các thể mạnh của vùng, hiện trạng khai thác và khả năng phát huy các thể mạnh đó để phát triển kinh tế – xã hội.
- Hiểu được ý nghĩa kinh tế, chính trị, xã hội sâu sắc của việc phát huy các thể mạnh của vùng.

2. Về kĩ năng

- Đọc và khai thác các kiến thức từ Atlas Địa lí Việt Nam, các bản đồ và các bản đồ trong SGK.
- Thu thập và xử lí các tư liệu thu thập được từ các nguồn khác nhau.

II – CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bản đồ Hành chính Việt Nam.
- Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.
- Bản đồ Kinh tế Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng sông Hồng.
- Một số tranh ảnh, phim video (nếu có) về các dân tộc ít người.
- Atlas Địa lí Việt Nam.

III – MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý

- GV cần nhấn mạnh rằng Trung du và miền núi Bắc Bộ (TD và MNBB) là vùng lãnh thổ có diện tích lớn nhất cả nước, có tài nguyên thiên nhiên phong phú,

đa dạng, có khả năng phát triển một cơ cấu kinh tế khá hoàn chỉnh. Tuy nhiên, những khó khăn trong khai thác tự nhiên có liên quan rất nhiều đến điều kiện địa hình núi. Việc khai thác kinh tế phải đặc biệt chú ý đến những tác động môi trường.

– GV cần lưu ý đến đặc điểm vị trí địa lí của TD và MNBB, nhất là trong quan hệ với Đồng bằng sông Hồng và với các tỉnh phía nam Trung Quốc, cũng như khả năng giao lưu với nước ngoài bằng đường biển (qua các cảng ở Quảng Ninh). Lưu ý rằng TD và MNBB chịu tác động lan toả ngày càng lớn của Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc.

– TD và MNBB là vùng có tài nguyên khoáng sản phong phú nhất nước ta. Điều này tạo ra lợi thế cho vùng về các ngành công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản, từ đó tạo ra cơ cấu các ngành công nghiệp nặng.

– TD và MNBB có thế mạnh nổi bật về năng lượng, với vùng than Quảng Ninh và trữ năng thuỷ điện lớn nhất cả nước. Việc phát triển thuỷ điện đã nâng cao vị trí của vùng trong phân công lao động theo lãnh thổ giữa các vùng và góp phần quan trọng vào việc nâng cao cơ sở năng lượng của vùng.

– TD và MNBB là vùng có thế mạnh đặc sắc về các cây công nghiệp cận nhiệt và ôn đới, về chăn nuôi gia súc lớn (trâu).

– GV cần cho HS thấy thế mạnh về kinh tế biển của tỉnh Quảng Ninh (du lịch biển, thuỷ sản, dịch vụ hàng hải...), tạo nên một thế mạnh độc đáo của vùng, làm cho cơ cấu kinh tế của vùng càng thêm hoàn chỉnh và phát triển năng động hơn.

IV – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Mặc dù không chia nội dung bài theo hai tiểu vùng là Tây Bắc và Đông Bắc, nhưng GV cần lưu ý Tây Bắc và Đông Bắc có những thế mạnh và hạn chế không giống nhau trong phát triển kinh tế – xã hội. Nói chung, Tây Bắc có nhiều khó khăn hơn.

2. Khi giảng phần Khái quát chung, GV khai thác bản đồ treo tường về Địa lí tự nhiên Việt Nam và bản đồ Hành chính Việt Nam, đặt câu hỏi để HS chứng minh nhận định trong SGK là : *Trung du và miền núi Bắc Bộ có vị trí địa lí đặc biệt, lại nhờ có mạng lưới giao thông vận tải đang được đầu tư, nâng cấp,*

nên ngày càng thuận lợi cho việc giao lưu với các vùng khác trong nước và xây dựng nền kinh tế mở. GV cũng có thể hướng dẫn HS khai thác hình 45 trong SGK để hiểu được lợi thế về vị trí địa lí của TD và MNBB trong điều kiện hiện nay.

GV cũng cho HS khai thác SGK, Atlas Địa lí Việt Nam, các kiến thức đã học từ các bài trước để trả lời câu hỏi : Các điều kiện kinh tế – xã hội của TD và MNBB có thuận lợi và khó khăn gì đối với sự phát triển của vùng ?

3. Khi giảng mục 2 – Khai thác, chế biến khoáng sản và thủy điện. GV có thể xây dựng sơ đồ để nhấn mạnh đến ý nghĩa của việc khai thác thế mạnh này tới sự hình thành cơ cấu công nghiệp của vùng.

– Khoáng sản kim loại đen và kim loại màu → Khai thác, làm giàu quặng → Luyện kim → Chế tạo máy.

– Thủy năng → Thủy điện.

– Than → Khai thác, sàng tuyển → Nhiệt điện, xuất khẩu.

– Khoáng sản phi kim loại (apatit) → Công nghiệp hoá chất (phân bón).

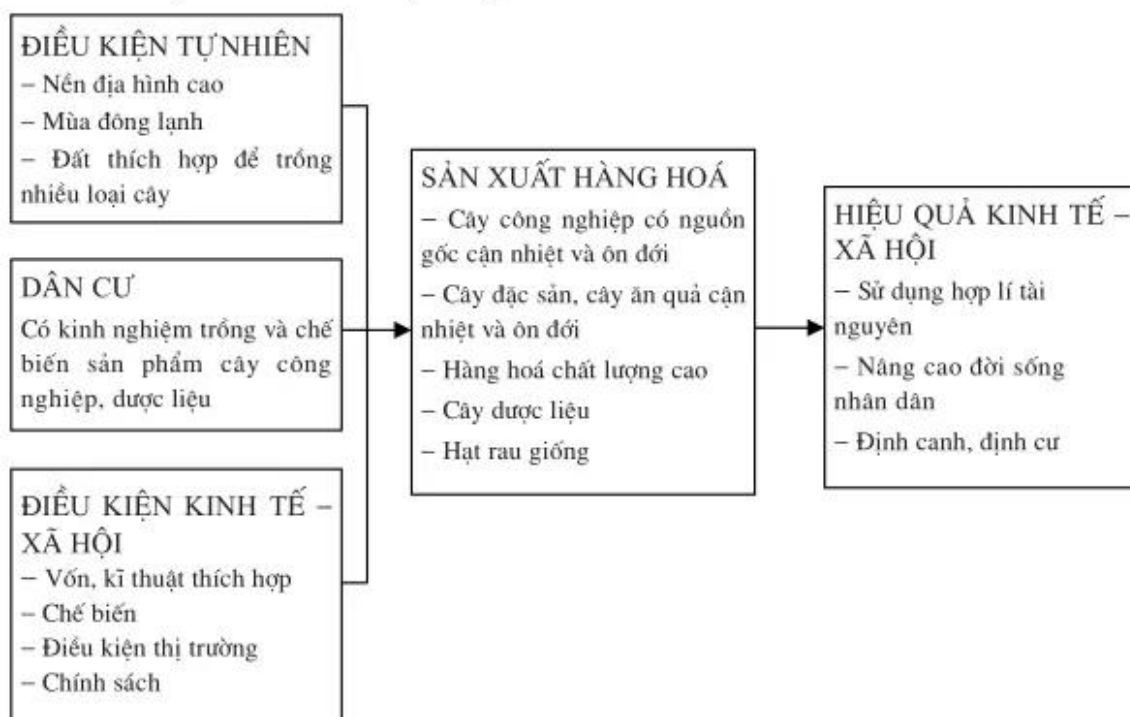
– Khoáng sản làm vật liệu xây dựng → Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng.

GV nhấn mạnh rằng việc khai thác khoáng sản, phát triển công nghiệp nặng đòi hỏi đầu tư lớn và phải có công nghệ, có lao động lành nghề. Về điểm này, Trung du và miền núi Bắc Bộ còn nhiều hạn chế.

GV cho HS lập bảng các tài nguyên khoáng sản chủ yếu, phân bố theo tỉnh, các nhà máy thủy điện (trên sông nào, tỉnh nào). Từ đó rút ra nhận xét về thế mạnh khác nhau giữa Tây Bắc và Đông Bắc. (HS cần đọc Atlas Địa lí Việt Nam để có thông tin chính xác khi lập bảng này).

4. Khi phân tích vấn đề thế mạnh về cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới, GV cần làm nổi bật các điều kiện địa hình, đất, khí hậu – thời tiết thuận lợi để trồng các cây có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới. Thêm vào đó, nhân dân các dân tộc trong vùng có nhiều kinh nghiệm trồng các cây trên. GV có thể chọn ví dụ về cây chè (cây công nghiệp chủ lực của vùng), cây hồi (cây đặc sản), cây quế... để minh họa ý trên.

Vấn đề này có thể trình bày bằng sơ đồ sau :



Dựa vào sơ đồ này, GV có thể phân tích thêm các thuận lợi, khó khăn cũng như khả năng phát triển sản xuất hàng hoá các cây công nghiệp, cây dược liệu, cây đặc sản, rau quả cận nhiệt và ôn đới trong vùng.

5. Khi phân tích thế mạnh về chăn nuôi, GV lưu ý HS mặc dù trong vùng không có các đồng cỏ lớn, trừ một số đồng cỏ ở vùng cao nguyên, nhưng nếu tận dụng các đồng cỏ tự nhiên thì TD và MNBB có thể phát triển hơn nữa đàn gia súc, đặc biệt là trâu. Xu hướng mới trong phát triển chăn nuôi những năm gần đây là sự tăng nhanh đàn lợn, do đảm bảo tốt hơn cơ sở thức ăn và để đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

**ĐÀN GIA SÚC Ở TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ
VÀ TỈ TRỌNG SO VỚI CẢ NƯỚC (%)**

Năm	Trâu		Bò		Lợn	
	Nghìn con	%	Nghìn con	%	Nghìn con	%
1995	1529,9	51,6	547,6	15,0	3597,4	22,1
2000	1626,4	56,1	665,6	16,1	4377,3	21,7
2002	1612,7	57,3	725,9	17,9	5058,3	21,8
2005	1679,5	57,5	899,8	16,2	5821,3	21,2

6. Về kinh tế biển ở TD và MNBB, GV nên cho HS tìm kiếm tài liệu về tỉnh Quảng Ninh trên một số địa chỉ trang Web tin cậy về Quảng Ninh.

7. Trả lời câu hỏi 1 ở cuối bài

Việc phát huy thế mạnh của TD và MNBB có ý nghĩa rất lớn về :

– Kinh tế : TD và MNBB có tiềm năng lớn, nhưng mới được khai thác một phần. Việc phát huy các thế mạnh của vùng sẽ góp phần nâng cao vị thế của vùng trong nền kinh tế cả nước và đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng, tạo ra cơ cấu kinh tế ngày càng hoàn thiện hơn.

– Chính trị, xã hội : đây là vùng có nhiều dân tộc ít người. Đồng bào các dân tộc đã đóng góp rất lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, trong vùng vẫn còn nhiều xã nghèo, huyện nghèo.